

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ**  
**CHO VAY VỐN ĐỐI VỚI HỘ MỚI THOÁT NGHÈO**  
**THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 28/2015/QĐ-TTg NGÀY 21/7/2015**  
**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ mới thoát nghèo như sau:

**1. Phạm vi áp dụng**

Phạm vi áp dụng là hộ mới thoát nghèo trên cả nước có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng là hộ mới thoát nghèo. Hộ mới thoát nghèo theo hướng dẫn tại văn bản này là hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua điều tra, rà soát hằng năm có thu nhập bình quân đầu người cao hơn chuẩn cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là hộ mới thoát nghèo trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội của chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo (mẫu số 03/TD).

**3. Mức cho vay**

Mức cho vay do NHCSXH và hộ vay thỏa thuận nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa phục vụ sản xuất, kinh doanh áp dụng đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ (Hiện nay, mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo là 50 triệu đồng/hộ).

**4. Lãi suất cho vay**

a) Lãi suất cho vay bằng 125% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**5. Mục đích sử dụng vốn vay**

Vốn vay được sử dụng để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

NHCSXH không cho vay vốn từ chương trình này để sử dụng vào mục đích giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về sửa chữa nhà ở, nước sinh hoạt, điện thấp sáng, học tập các cấp học phổ thông và những phương án sản xuất, kinh doanh những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện theo Phụ lục I Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện và

Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định 59/2006/NĐ-CP nêu trên.

**6. Những nội dung khác về:** Thời hạn cho vay, phương thức cho vay, điều kiện cho vay, thủ tục và quy trình cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi, gia hạn nợ, xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra, đối chiếu nợ đối với hộ mới thoát nghèo được thực hiện như cho vay vốn đối với hộ nghèo.

**7. Hạch toán kế toán**

NHCSXH nơi cho vay hạch toán các khoản cho vay vốn đối với hộ mới thoát nghèo vào Tài khoản "Cho vay hộ mới thoát nghèo" theo chế độ quy định.

**8. Báo cáo thống kê**

Việc báo cáo thống kê thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc.

**9. Tổ chức thực hiện**

a) NHCSXH các địa phương có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện và triển khai chương trình cho vay này đúng quy định; đồng thời tổ chức tuyên truyền và công khai chủ trương, chính sách, công khai đối tượng thụ hưởng và danh sách hộ được vay vốn tới đông đảo quần chúng nhân dân biết để thực hiện.

b) Những hộ đang có dư nợ các chương trình cho vay, gồm: chương trình cho vay hộ nghèo theo văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003, chương trình cho vay hộ cận nghèo theo văn bản số 1003/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013, các chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo các văn bản hiện hành; nay trở thành hộ mới thoát nghèo theo hướng dẫn tại điểm 2 văn bản này, nếu có nhu cầu vay vốn chương trình cho vay đối với hộ mới thoát nghèo thì chỉ được cho vay khi đã trả hết nợ vay các chương trình cho vay nêu trên.

c) Không áp dụng "Cho vay lưu vụ" đối với hộ mới thoát nghèo theo hướng dẫn tại văn bản này.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2015 và được thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2020. Yêu cầu Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, chi nhánh báo cáo Tổng Giám đốc NHCSXH (thông qua Ban Tín dụng người nghèo) xem xét, giải quyết./.  
(Gửi kèm Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015, Phụ lục I Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 và Nghị định 43/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009).

**Nơi nhận:**

- Ngân hàng Nhà nước } để báo cáo;
- Các thành viên HĐQT } để phối hợp
- Hội LH Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN; } thực hiện
- Hội Cựu chiến binh VN, Đoàn TN CS HCM; }
- Tổng giám đốc;
- Trưởng ban kiểm soát NHCSXH;
- Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Sở giao dịch, chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Ban nghiệp vụ tại HSC;
- Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Ban Kiểm tra, kiểm soát NB khu vực miền Nam;
- Lưu: VT, TK, PC, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Lý**

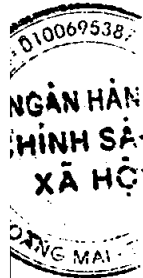
**Phụ lục I**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CẨM KINH DOANH**  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP*  
*ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ)*

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành (*)	Cơ quan quản lý ngành
A	<b>Hàng hóa</b>		
1	Vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng	Nghị định số 47/CP ngày 12/8/1996; Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
2	Các chất ma túy	Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; Nghị định số 67/2001/NĐ-CP; Nghị định số 133/2003/NĐ-CP	Bộ Công an
3	Hóa chất bảng 1 (theo Công ước quốc tế)	Nghị định số 100/2005/NĐ-CP	Bộ Công nghiệp
4	Các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách	Luật Xuất bản năm 2004; Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an
5	Các loại pháo	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
6	Đồ chơi nguy hiểm, đồ chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả các chương trình trò chơi điện tử)	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an



\* Trường hợp văn bản pháp luật hiện hành có sự thay đổi (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) thì áp dụng theo sự thay đổi đó.

7	Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật cấm hoặc chưa được phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Pháp lệnh Thú y, Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật	Pháp lệnh Thú y năm 2004; Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
8	Thực vật, động vật hoang dã (bao gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến) thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác và sử dụng	Công ước CITES; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản
9	Thủy sản cấm khai thác, thủy sản có dư lượng chất độc hại vượt quá giới hạn cho phép, thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người	Luật Thủy sản năm 2003	Bộ Thủy sản
10	Phân bón không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam	Nghị định số 113/2003/NĐ-CP	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Giống cây trồng không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái	Pháp lệnh Giống cây trồng năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12	Giống vật nuôi không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh; giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái	Pháp lệnh Giống vật nuôi năm 2004	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Thủy sản
13	Khoáng sản đặc biệt, độc hại	Luật Khoáng sản năm 1996; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP	Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	Phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường	Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994	Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Các loại thuốc chữa bệnh cho người, các loại vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, hóa chất và chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Luật Dược năm 2005; Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế



16	Các loại trang thiết bị y tế chưa được phép sử dụng tại Việt Nam	Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân năm 2003	Bộ Y tế
17	Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thực phẩm có nguy cơ cao, thực phẩm được bảo quản bằng phương pháp chiếu xạ, thực phẩm có gen đã bị biến đổi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép	Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003	Bộ Y tế
18	Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amfibole	Nghị định số 12/2006/NĐ-CP	Bộ Xây dựng
<b>B</b>	<b>Dịch vụ</b>		
1	Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
2	Tổ chức đánh bạc, gá bạc dưới mọi hình thức	Nghị định số 03/2000/NĐ-CP	Bộ Công an
3	Dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân	Nghị định số 14/2001/NĐ-CP	Bộ Công an
4	Hoạt động kinh doanh môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời	Nghị định số 68/2002/NĐ-CP	Bộ Tư pháp
5	Hoạt động kinh doanh môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nhằm mục đích kiếm lời	Nghị định số 68/2002/NĐ-CP	Bộ Tư pháp

Số: **43** /2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **07** tháng **5** năm **2009**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện**

BỘ CÔNG THƯƠNG

**ĐẾN**

Số:.....

Ngày:.....

Chuyên:.....

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện:

Bổ sung số thứ tự 19 (thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu) vào Mục A của Phụ lục I trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh (ban hành kèm theo Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ), như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Văn bản pháp luật hiện hành	Cơ quan quản lý ngành
A	Hàng hóa		
....	.....	.....	.....
19	Thuốc lá điếu, xì gà và các dạng thuốc lá thành phẩm khác nhập lậu	Nghị định này	Bộ Công Thương

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

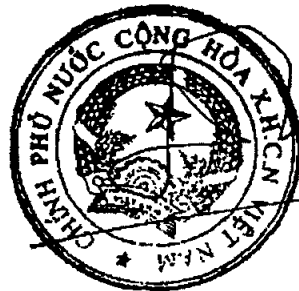
Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2009.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KNTN (05 bản). M. 290

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**

Số: 28/2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2015

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ĐỀ

Số: ...1200.....

Ngày: 27.7.2015.

Chuyên: Kế toán, Cao lam, i, Diên

Lưu: ... TP

**QUYẾT ĐỊNH****Về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;**Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.***Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quyết định này quy định về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước ổn định cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định này là hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua điều tra, rà soát hằng năm có thu nhập bình quân đầu người cao hơn chuẩn cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm.

**Điều 3. Nguồn vốn cho vay**

Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.



## **Điều 4. Mức cho vay**

Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và hộ mới thoát nghèo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức cho vay cùng loại phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ.

## **Điều 5. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và hộ mới thoát nghèo thỏa thuận trên cơ sở chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng không quá 5 năm.

## **Điều 6. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay áp dụng đối với hộ mới thoát nghèo bằng 125% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.
2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

## **Điều 7. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn đối với các khoản nợ của hộ mới thoát nghèo được thực hiện như đối với hộ nghèo theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **Điều 8. Hồ sơ, thủ tục cho vay và xử lý nợ bị rủi ro**

1. Hồ sơ, quy trình và thủ tục cho vay đối với hộ mới thoát nghèo được thực hiện như đối với cho vay hộ nghèo.
2. Việc xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản nợ của hộ mới thoát nghèo được thực hiện theo cơ chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội.

## **Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

### **1. Ngân hàng Chính sách xã hội:**

a) Quy định hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay đối với hộ mới thoát nghèo như đối với cho vay hộ nghèo, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

b) Thực hiện cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định này.

c) Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm để cho vay các chương trình tín dụng chính sách, trong đó có cho vay đối với hộ mới thoát nghèo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Định kỳ hằng tháng (chậm nhất là ngày 15 của tháng kế tiếp), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả thực hiện cho vay đối với hộ mới thoát nghèo.

## 2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức, thực hiện tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo và đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai, thực hiện tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo và đề xuất giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo.

## 3. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ về nguồn vốn từ ngân sách trung ương dành cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay các chương trình tín dụng chính sách, trong đó có tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo theo quy định.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc tổ chức, thực hiện tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

## 4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Công bố số hộ mới thoát nghèo hằng năm và định kỳ làm căn cứ cho Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện Quyết định này.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc tổ chức, thực hiện tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Các Bộ, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

## 6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách các hộ mới thoát nghèo, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và làm cơ sở xác nhận để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Quyết định này.

b) Các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện Quyết định này.

## **Điều 10. Điều khoản thi hành**

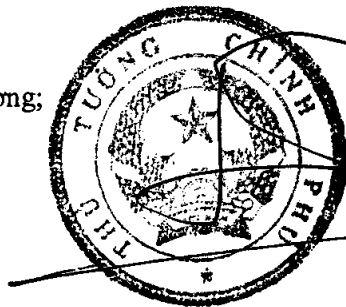
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2015 và được thực hiện giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).KN Cường 640

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**